TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2026/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vương Đức S; sinh năm 1991; căn cước công dân số: 002091***662; cấp ngày: 05/07/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị Long Thị N; sinh năm: 1999; căn cước công dân số: 0021990***113; cấp ngày: 16/4/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vương Đức S và chị Long Thị N .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Quan hệ hôn nhân: Anh Vương Đức S và chị Long Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về nuôi con chung: Anh Vương Đức S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục con Vương Thu H, sinh ngày 06/10/2018 cho đến khi con Vương Thu H đủ 18 tuổi; chị Long Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vương Đức S và chị Long Thị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Anh Vương Đức S chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000342 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Vương Đức S được hoàn trả lại số tiền trênh lệch đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 – Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 – Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương